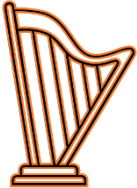





Họ và tên HS :Lớp:..... SBD: Phòng thi: Ngày: /...../

(Học sinh được sử dụng máy tính cầm tay)

A. Trắc nghiệm (3 điểm):

Câu 1. Trong các hình sau, hình nào có trục đối xứng?

- A.  B.  C.  D. 

Câu 2. Điền vào chỗ trống: “Hình thang cân là ... có hai góc kề một đáy bằng nhau.”

- A. tam giác B. tứ giác C. hình thang D. hình thoi

Câu 3. Điền vào chỗ trống: “Trong tam giác vuông, đường trung tuyến ứng với cạnh huyền ... cạnh huyền.”

- A. vuông góc B. gấp đôi C. bằng D. bằng nửa

Câu 4. Dấu hiệu nhận biết nào sau đây không phải của hình thoi?

- A. Tứ giác có bốn cạnh bằng nhau là hình thoi.
B. Hình chữ nhật có 1 góc vuông là hình thoi.
C. Hình bình hành có hai cạnh kề bằng nhau là hình thoi.
D. Hình bình hành có hai đường chéo vuông góc với nhau là hình thoi.

Câu 5. Mẫu thức chung của các phân thức sau $\frac{x}{x+3}$; $\frac{1}{3-x}$; $\frac{1}{x^2-9}$ là

- A. $(x+3)(x-3)$. C. $3-x$.
B. $x+3$. D. $(x+3)(x-3)(x^2-9)$.

Câu 6. Kết quả của phép tính $\frac{x^2 - y^2}{6x^2y} : \frac{x+y}{2xy}$ bằng

- A. $\frac{3x}{x-y}$. B. $\frac{x+y}{3x}$. C. $\frac{x^2-y^2}{3x}$. D. $\frac{x-y}{3x}$.

Câu 7. Cho hình thang $ABCD$ ($AB//CD$) có M, N lần lượt là trung điểm của AD, BC . Tính độ dài MN biết $AB=5cm, CD=9cm$.

- A. 4cm. B. 7cm. C. 14cm. D. 2cm.

Câu 8. Nghiệm của phương trình $(x-2)(x-4)-(x-2)=0$ là

A. $x=5$.

C. $x=2$ hay $x=5$.

B. $x=2$.

D. $x=0$.

Câu 9. Biểu thức $x^2 - 6x + 9$ bằng

A. $(x-3)^2$.

B. $(x+3)^2$.

C. $(x-9)^2$.

D. $(x+9)^2$.

Câu 10. Kết quả của phép tính $x^8 : x^2$ bằng

A. x^{10} .

B. x^6 .

C. 1.

D. x^4 .

Câu 11. Phân thức $\frac{18x^3y^2}{6xy}$ bằng

A. $18x^2y$.

B. $6x^2y$.

C. $3xy$.

D. $3x^2y$.

Câu 12. Kết quả của phép tính $\frac{x^2}{5} - \frac{x^2+3x}{5}$ bằng

A. $\frac{3x}{5}$.

B. $\frac{2x^2+3x}{5}$.

C. $\frac{-3x}{5}$.

D. $\frac{2x^2-3x}{10}$.

B. Tự luận (7 điểm).

Câu 1. (1,5 điểm) Thực hiện phép tính.

a) $(3x^4y^3 - 9x^2y^2) : xy$.

b) $[5.(a-b)^3 + 2.(a-b)^2] : (b-a)^2$.

c) $\frac{x+4}{x+1} + \frac{x-3}{x+1}$.

Câu 2. (2,25 điểm)

a) Phân tích đa thức thành nhân tử: $3x^2y - 3x^2$.

b) Phân tích đa thức thành nhân tử: $y^2 + 8y + 16 - 9x^2$.

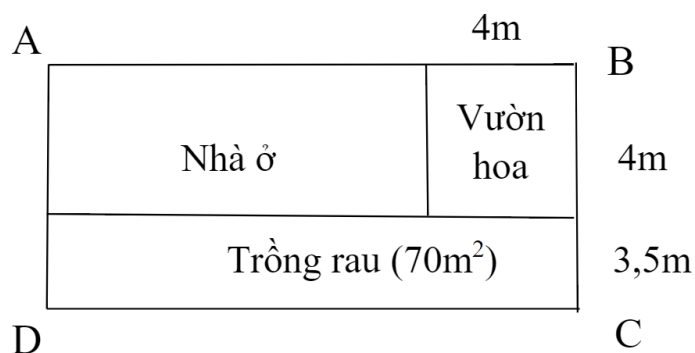
c) Quy đồng mẫu thức các phân thức: $\frac{8}{12x^3y^5}$ và $\frac{11}{10x^4y^2}$.

d) Rút gọn phân thức: $\frac{21(x^2 - y^2)(x+y)^2}{84(x-y)(x+y)^3}$.

Câu 3. (1,0 điểm) Tìm a, b sao cho:

$$\frac{1}{x(1-x)} = \frac{a}{x} + \frac{b}{1-x}$$

Câu 4. (0,75 điểm) Một miếng đất hình chữ nhật $ABCD$ được chia làm 3 phần như hình vẽ: phần nhà ở là hình chữ nhật, phần vườn hoa là hình vuông có cạnh $4m$, phần trồng rau là hình chữ nhật có diện tích $70m^2$ và chiều rộng là $3,5m$. Tính diện tích phần nhà ở.



Câu 5. (1,5 điểm) Cho ΔABC vuông tại A ($AB < AC$) có M và N lần lượt là trung điểm của BC và AC , vẽ MO vuông góc với AB tại O .

- Chứng minh: $MN \parallel AB$.
- Tứ giác $AOMN$ là hình gì? Hãy chứng minh.

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I_MÔN TOÁN – KHỐI 8

• TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	C	D	B	A	D	B	C	A	B	D	C

TỰ LUẬN

Câu	Nội dung	Điểm
1	$a x y)3^{3^2} - 9xy$ $b) = \square 5(a b -)^3 + 2(a b -)^2 \square \square : (b a -)^2$ \square $= 5(a b -) + 2$ $c) + \frac{4 + x - 3 x}{x+1 \ x+1}$ $x + + -4 \ x \ 3$ $= \underline{\hspace{2cm}}$ $x+1 \ 2x+1 = \underline{\hspace{2cm}} x+1$	0,5 0,25 0,25 0,25 0,25
2	$a x y)3^2 - 3x^2 = 3x y^2(-1) b y)^2 + + -8y \ 16 \ 9x^2$ $= + -(y \ 4)^2 (3x)^2$ $= + -(y \ 4 \quad \quad \quad 3x y)(+ + \quad \quad \quad 3x)$ $c \ MTC) : 60x y^{4^5}$ $\frac{8 \ 40x}{\hspace{2cm}}$ $\frac{12x y^{3^5} \ 60x y^{4^5}}{\hspace{2cm}}$ $\frac{11 \ 66y^3}{\hspace{2cm}}$ $\frac{10x y^{4^2} \ 60x y^{4^5}}{\hspace{2cm}}$ $\frac{21(x^2 - y^2)(x y +)^2}{\hspace{2cm}} \quad \frac{21(x y x y x y +)(-)(+)^2}{\hspace{2cm}}$ $d) \frac{3 = 3}{\hspace{2cm}} \quad \frac{\hspace{2cm}}{\hspace{2cm}}$ $\frac{84(x y x y -)(+)}{\hspace{2cm}} \quad \frac{84(x y x y -)(+)}{\hspace{2cm}}$ $\frac{21 \ 1}{\hspace{2cm}}$ $= = \underline{\hspace{2cm}}$ $\frac{84 \ 4}{\hspace{2cm}}$	0,5 0,25+0.25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25

\ KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I TOÁN 8

TT	Chủ đề	Nội dung	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Phép nhân và phép chia các đa thức	Nhân đa thức với đa thức. Những hằng đẳng thức đáng nhớ. Phân tích đa thức thành nhân tử.	1 0,25đ	1 0,5đ		1 0,75đ	1 0,25đ				3,0
		Chia đa thức cho đơn thức. Chia đa thức một biến đã sắp xếp.	1 0,25đ	1 0,5đ		1 0,5đ					
2	Phân thức đại số	Phân thức đại số. Tính chất cơ bản của phân thức. Rút gọn phân thức. Quy đồng mẫu thức nhiều phân thức.	1 0,25đ	1 0,5đ	1 0,25đ			1 0,5đ			3,5
		Phép cộng, trừ, nhân, chia phân thức đại số	1 0,25đ	1 0,5đ	1 0,25đ					1 1,0đ	
3	Tứ giác	Tứ giác. Hình thang. Hình thang cân. Đường trung bình của tam giác, hình thang. Đối xứng trục.	2 0,5đ		1 0,25đ	1 0,5đ					3,5

	Đối xứng tâm.									
	Hình bình hành. Hình chữ nhật. Đường thẳng song song với một đường thẳng cho trước. Hình thoi. Hình vuông	2 0,5đ			1 0,5đ		2 1,25đ			
Tổng:	Số câu Điểm	8 2,0	4 2,0	3 0,75	4 2,25	1 0,25	3 1,75		1 1,0	10,0
Tỉ lệ %		40%		30%		20%		10%		100%
Tỉ lệ chung		70%				30%				100%

BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HKI TOÁN 8

TT	Chương/Chủ đề	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
SỐ - ĐẠI SỐ						

1	Phép nhân và phép chia các đa thức	<p>Nhân đa thức với đa thức. Những hằng đẳng thức đáng nhớ. Phân tích đa thức thành nhân tử.</p>	<p>Nhận biết :</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được các khái niệm: đồng nhất thức, hằng đẳng thức. Mô tả được các hằng đẳng thức: bình phương của tổng và hiệu; hiệu hai bình phương. Học sinh biết được cách phân tích đa thức thành nhân tử bằng phương pháp đặt nhân tử chung. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> Học sinh nhận dạng được cách phân tích đa thức thành nhân tử bằng phương pháp đặt nhân tử chung. Vận dụng: Học sinh biết và nhận dạng được cách phân tích đa thức thành nhân tử bằng phương pháp phối hợp nhiều phương pháp. 	1TN 1TL	1TL	1TN	
		Chia đa thức cho đơn thức. Chia đa thức một biến đã sắp xếp.	<p>Nhận biết :</p> <ul style="list-style-type: none"> Thực hiện được phép nhân đơn thức với đa thức và phép chia hết một đơn thức cho một đơn thức. Thực hiện được việc thu gọn đơn thức, đa thức. <p>Thông hiểu:</p>	1TN 1TL	1TL		

			– Thực hiện được phép chia hết một đa thức cho một đơn thức trong những trường hợp đơn giản.				
2	Phân thức đại số	Phân thức đại số. Tính chất cơ bản của phân thức. Rút gọn phân thức. Quy đồng mẫu thức nhiều phân thức.	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Biết cách rút gọn phân thức đơn giản. – Biết cách quy đồng mẫu thức nhiều phân thức đơn giản. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Xác định được mẫu thức chung nhiều phân thức. <p>Vận dụng:</p>	1TN 1TL	1TN	1TL	
			– Vận dụng các kiến thức đã học rút gọn các phân thức.				
		Phép cộng, trừ, nhân, chia phân thức đại số	<p>Nhận biết :</p> <ul style="list-style-type: none"> – Thực hiện được các phép tính: phép cộng, phép trừ đối với hai phân thức đại số. Thông hiểu: – Thực hiện được các phép tính: phép nhân , phép chia đối với hai phân thức đại số. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép 	1TN 1TL	1TN		1TL

nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân thức đại số trong tính toán

HÌNH HỌC

3	<p>Tứ giác</p>	<p>Tứ giác. Hình thang. Hình thang cân. Đường trung bình của tam giác, hình thang. Đối xứng trục. Đối xứng tâm.</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được định nghĩa hình thang, nhận diện được tứ giác là hình thang. - Nắm được định nghĩa đối xứng trục và nhận dạng được một số hình có trục đối xứng. Thông hiểu: - Mô tả được định nghĩa đường trung bình của tam giác, hình thang. - Giải thích được tính chất đường trung bình của tam giác, hình thang. 	2TN	1TN 1TL		
		<p>Hình bình hành. Hình chữ nhật. Đường thẳng song song với một đường thẳng cho trước. Hình thoi. Hình vuông. Diện tích hình chữ nhật.</p>	<p>Nhận biết: – Nhận biết được dấu hiệu để một hình bình hành là hình thoi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được tính chất về hai đường chéo của hình chữ nhật. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng minh được dấu hiệu để một hình bình hành 	2TN	1TL	2TL	

			<p>là hình chữ nhật.</p> <p><i>Vận dụng :</i></p> <p>– Vận dụng được công thức tính diện tích hình chữ nhật vào các bài toán thực tế</p>				
--	--	--	---	--	--	--	--